TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ - ST
Ngày 04 tháng 03 năm 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tôn Thiết

Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Chín – Cán B Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bị đơn: Ông Phùng Văn B, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà kết hôn với ông Phùng Văn B vào cuối năm 1992 và tổ chức lễ cưới vào ngày 04/12/1992 (âm lịch), trước khi cưới do hai gia đình dàn xếp nhưng khi cưới thì bà và ông B đều tự nguyện. Khi bà lấy ông B thì ông bà có ra UBND xã TT (cũ) nay là UBND thị trấn TT, huyện VT đăng ký kết hôn nhưng giấy đăng ký kết hôn hiện nay đã bị mất. Khi cưới bà ở nhà làm ruộng còn ông B thì mới đi B đội về, cưới xong bà về ở chung với gia đình ông B

tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Vợ chồng bà ở chung với bố mẹ ông B khoảng 01 năm thì ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà với gia đình, năm 2008 bà và ông B thuê nhà đi ở chỗ khác. Quá trình chung sống giữa năm 2010 vợ chồng sẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên hay nói nhau, đánh nhau. Mặt khác ông B không quan tâm đến vợ con mà bỏ mặc bà nuôi hai con, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2010 cho đến nay. Sau đó ông B về nhà bố mẹ đẻ ở còn mẹ con bà thì vẫn ở tại ngôi nhà thuê, trong thời gian sống ly thân hai bên không liên lạc với nhau, hai gia đình cũng không dàn xếp gì. Tháng 6/2017 bà tổ chức lễ cưới cho con gái cháu Phùng Thị Ngân bà có nói với ông B và gia đình ông B nhưng không có ai đến tham dự lễ cưới, nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông B.

Tại phiên toà bị đơn ông Phùng Văn B vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2021 ông B trình bày: Ông thừa nhận bà Y trình bày đúng về thời gian kết hôn (khi cưới do ông Nguyễn Văn Liễu làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông và bà Y). Cưới xong bà Y về ở chung với bố mẹ ông khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ăn riêng được một thời gian thì ra ở riêng chỗ khác, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên sẩy ra việc nói cãi nhau và đã sống ly thân từ 08 đến 09 năm nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng cũng như hai gia đình không dàn xếp gì, nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn bà Y xin ly hôn ông cũng đồng ý. Do bận công việc nên ông B có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y, ông Phùng Văn B đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Phùng Thị Ngân, sinh năm 1993 (hiện nay đã có gia đình riêng) cháu Phùng Văn Bằng, sinh năm 1999 đã trưởng thành và đang ở với bà Y. Ly hôn bà Y và ông B không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ và công sức: Bà Nguyễn Thị Y, ông Phùng Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất nông nghiệp: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Y yêu cầu ông Phùng Văn B trả cho bà 10 thước ruộng ở sứ đồng Đống Duối, ông B cũng đồng ý trả cho bà Y diện tích đất trên. Ngày 03/02/2021 bà Y có đơn đề nghị có nội dung không yêu cầu ông B phải trả cho bà diện tích đất trên mà để lại cho các con. Tại phiên toà bà Y thừa nhận ông B đã trả diện tích đất trên cho các con, vì vậy bà không yêu cầu Toà án giải quyết về đất nông nghiệp nữa.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện VT phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Phùng Văn B. Về tài sản, công nợ, công sức bà Y, ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về đất nông nghiệp: Tại phiên toà bà Y thừa nhận ông B đã trả diện tích đất trên cho các con nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết về đất nông nghiệp. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 244 B luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu không đề nghị chia đất nông nghiệp của bà Y.

Về án phí: Bà Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thị Y có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện VT giải quyết việc ly hôn của bà và ông B theo quy định tại Điều 28 của B luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông B đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của B luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Tuy bà Nguyễn Thị Y và ông Phùng Văn B không nộp được giấy đăng ký kết hôn cho Toà án do bị đánh mất. Qua xác minh tại địa phương cho biết bà Y và ông B là vợ chồng khi cưới ông bà có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TT (cũ) nay là UBND thị trấn TT vào tháng 12/1992. Nhưng do thời gian đã lâu và bị thất lạc nên UBND thị trấn TT không lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn năm 1992. Mặt khác thời gian năm 1992 ông Nguyễn Văn Liễu là bí thư đoàn xã TT (cũ) nay là công chức tư pháp hộ tịch UBND thị trấn TT và ông Đỗ Quang Vinh là Uỷ viên ban thường trực xã TT (cũ) đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông B và bà Y (ông Liễu cũng thừa nhận). Như vậy năm 1992 bà Nguyễn Thị Y có đăng ký kết hôn với ông Phùng Văn B trên cơ sở tự nguyện là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có hai

con chung, trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên sẩy ra nói cãi nhau. Hơn nữa ông B không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay (từ năm 2010). Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể duy trì, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà Y được ly hôn với ông B là phù hợp.

[2]. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ và công sức: Bà Y và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về đất nông nghiệp: Ngày 03/02/2021 bà Y có đơn đề nghị không yêu cầu ông B phải trả cho bà diện tích đất trên mà để lại cho các con. Tại phiên toà bà Y thừa nhận ông B đã trả diện tích đất trên cho các con nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết nữa. Do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của B luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu không đề nghị chia đất nông nghiệp của bà Y.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Phùng Văn B.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ và công sức: Bà Nguyễn Thị Y và ông Phùng Văn B không không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về đất nông nghiệp: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đề nghị chia đất nông nghiệp của bà Nguyễn Thị Y.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu

tiền số AA/2017/0005293 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT, bà Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phùng Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn TT;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình